

**CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NHÀ NƯỚC GIAO
VÀ PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPTQĐ ngày tháng năm 2020
của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	TMDT được duyệt	TDT được Duyệt	Lũy kế vốn đã cấp đến hết niên độ NS năm trước	Kế hoạch vốn ĐT được giao năm 2020 (điều chỉnh, bổ sung)	Ghi chú
1	2	3	4	3	4	5
	Tổng số					
	Tổng số điều chỉnh tăng				23.505.474.000	
	Tổng số chỉnh giảm				-23.505.474.000	
I	Vốn thiết kế quy hoạch					
1	Dự án					
II	Vốn chuẩn bị đầu tư					
1	Dự án					
III	Vốn thực hiện dự án					
A	Dự án nhóm A					
1	Dự án					
B	Dự án nhóm B	187.617.149.000	0	101.796.701.000	9.909.508.000	
1	Dự án					
1.1	Điều chỉnh tăng	187.617.149.000	0	101.796.701.000	9.909.508.000	
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Long Vân	187.617.149.000		101.796.701.000	9.909.508.000	
C	Dự án nhóm C			23.325.421.070.625	-9.909.508.000	
1	Dự án			23.325.421.070.625	-9.909.508.000	
1.1	Điều chỉnh giảm			135.333.076.625	-23.505.474.000	
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất thu hồi của chi nhánh Công ty Cổ phần muối và Thương mại miền Trung				-5.000.000.000	
2	Hệ thống HTKT Khu dân cư tại dải cây xanh Khu tái định cư phục vụ dự án xây dựng Khu đô thị - Thương mại phía bắc sông Hà Thanh, TP Quy Nhơn	9.898.498.000		6.920.796.000	-2.018.204.000	

Stt	Nội dung	TMĐT được duyệt	TĐT được Duyệt	Lũy kế vốn đã cấp đến hết niên độ NS năm trước	Kế hoạch vốn ĐT được giao năm 2020 (điều chỉnh, bổ sung)	Ghi chú
1	2	3	4	3	4	5
3	Đầu tư xây dựng HTKT Khu tái định cư HH1, HH2 tại KV1 Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	39.473.072.000		29.860.028.125	-2.305.038.000	
4	HTKT Khu Đô thị mới Long Vân (khu A2) Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	196.416.384.000		311.023.000	-7.899.977.000	
5	HTKT Khu đất xí nghiệp Song mây xuất khẩu, phân viện điều tra quy hoạch rừng Nam Trung bộ và Tây Nguyên	37.479.508.000		500.000.000	-2.800.000.000	
6	Khu TĐC phục vụ dự án Khu Đô thị thương mại Bắc sông Hà Thanh	202.202.460.000		80.595.225.000	-3.282.255.000	
7	Khu dân cư tại mặt bằng Công ty 508 thuộc phường Bùi Thị Xuân (4,3) ha	24.687.158.000		17.146.004.500	-200.000.000	
1.2	Điều chỉnh tăng			23.190.087.994.000	13.595.966.000	
1	HTKT khu đất Công ty cổ phần Giống lâm nghiệp Nam trung bộ, khu đất Công ty Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị và khu đất trồng liên kề quốc lộ 1D để bố Trí Đại đội Trinh sát - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	4.995.418.000		3.083.570.000	780.000.000	
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất dọc đường Hoa Lư nối dài	37.969.690.000		24.953.650.000	4.696.747.000	
3	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới Phường Nhơn Bình	110.800.000.000		23.162.050.774.000	8.119.219.000	